

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

A: 20
H: 08

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 29/01/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi:28...

Số tờ giấy thi: 28.

Trần B. Tr.
Trình Thị Liên
Phạm Văn Mạnh
T. Tuấn
Trần Minh Quân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124350081	Lê Dương Duy	An	18/01/2006	CCQ2435C		0,0	Cấm thi		
2	2121110009	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	01/10/2003	CCQ2111A	1816	5,5	5,2	5,3	
3	2124220014	Phùng Bảo	Anh	06/09/2004	CCQ2422A		0,0	Cấm thi		
4	2123110225	Lê Thị Bích	Châm	11/02/2005	CCQ2311G	1817	6,3	4,4	5,2	
5	2124220029	Nguyễn Thị Hà	Châu	17/10/2006	CCQ2422A	1815	9,3	8,2	8,6	
6	2122110429	Nguyễn Thành	Công	02/01/2004	CCQ2211LA	1817	7,5	6,2	6,7	
7	2124220032	Nguyễn Thành	Đạt	15/02/2001	CCQ2422A	1816	10,0	9,0	9,4	
8	2124220028	Nguyễn Thị Nga	Diên	10/05/2005	CCQ2422A	1818	9,5	4,8	6,7	
9	2124220005	Lê Tuấn	Dũng	30/06/2006	CCQ2422A	1815	8,9	5,6	6,9	
10	2124350088	Võ Thanh	Duy	05/06/2006	CCQ2435C	1816	6,0	3,2	4,3	
11	2124220019	Đinh Phạm Hoàng	Giang	10/02/2006	CCQ2422A		0,0	Cấm thi		
12	2124110202	Trần Lê Cẩm	Giang	14/07/2006	CCQ2435C	1818	9,7	6,4	7,7	
13	2124220004	Trần Khánh	Hà	24/03/2006	CCQ2422A	1815	8,8	4,2	6,0	
14	2124350108	Nguyễn Văn	Hào	05/10/2006	CCQ2435C	1816	8,3	4,6	6,1	
15	2124350103	Nguyễn Tấn	Hiển	18/11/2006	CCQ2435C	1817	6,7	3,2	4,6	
16	2122110522	Lê Văn	Hiếu	15/04/2004	CCQ2211M	1818	6,6	3,8	4,9	
17	2124350104	Trần Thị Mai	Hoa	14/08/2006	CCQ2435C	1815	9,1	6,2	7,4	
18	2123110265	Hồ Văn	Hùng	01/10/2005	CCQ2311H	1816	6,4	4,6	5,3	
19	2124220016	Nguyễn Lê Quang	Hưng	01/10/2006	CCQ2422A	1817	8,3	4,0	5,7	
20	2124220034	Ngô Thị Thu	Hương	01/05/2006	CCQ2422A	1818	8,3	4,4	6,0	
21	2124110143	Lê Ngọc	Huy	12/11/2006	CCQ2435C		0,0	Cấm thi		
22	2124220007	Lê Quốc	Huy	30/07/2005	CCQ2422A	1816	6,3	3,6	4,7	
23	2124350102	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2435C	1817	6,9	3,2	4,7	
24	2121110372	Huỳnh Minh	Khang	03/02/2003	CCQ2111H		0,0	Cấm thi		
25	2124350086	Nguyễn Ngọc	Khang	08/02/2006	CCQ2435C	1816	6,6	2,8	4,3	
26	2124350097	Nguyễn Như	Khang	24/10/2006	CCQ2435C	1817	6,2	5,4	5,7	
27	2124220006	Huỳnh Hồng	Khanh	24/09/2003	CCQ2422A	1818	8,9	4,2	6,1	
28	2122110343	Nguyễn Đăng	Khoa	05/01/2004	CCQ2211I	1815	7,2	3,2	4,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 29/01/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 28...

Số bài thi:28..

Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Trần D. Tân

Trinh Thị Liên

Phạm Văn Thành

T. Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124220035	Lê Tuấn Kiệt	Kiệt	16/10/2005	CCQ2422A			0,0	Cấm thi		
30	2124350091	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	26/10/2006	CCQ2435C	1815	Thu	6,5	4,0	5,0	
31	2122110089	Cao Sơn	Lâm	16/08/2000	CCQ2211C	1816	Lâm	7,8	3,8	5,4	
32	2124350082	Lê Thị Huỳnh	Liên	15/01/2005	CCQ2435C	1817	Huỳnh	6,7	4,8	5,6	
33	2124220008	Trần Hoà	Lợi	25/01/2006	CCQ2422A	1818		8,2	5,8	6,8	
34	2124350106	Lê Nhật Long	Long	30/06/2004	CCQ2435C			2,6	Cấm thi		
35	2123110291	Trần Văn	Luân	05/01/2005	CCQ2311I	1818	Luân	7,7	3,0	4,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

D: 24
H: 05

Cán bộ coi thi 1: *Trần Thị Kim*
Cán bộ coi thi 2: *Trần Thị Thanh*
G. Viên chấm thi 1: *Phạm Văn Mạnh*
G. Viên chấm thi 2: *Trần Tuấn*
Đặng Minh Quân

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 29/01/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124110204	Nguyễn Lê Trúc	Ly	14/12/2006	CCQ2435C	1815 <i>Trúc</i>	8,4	4,2	5,9	
2	2122110583	Phan Vũ Bảo	Minh	16/03/2004	CCQ2211N	1816 <i>Minh</i>	5,8	3,2	4,2	
3	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	12/08/2003	CCQ2211H		0,0	<i>Cấm thi</i>		
4	2123110281	Nguyễn Hữu	Nghĩa	03/05/2004	CCQ2311H		0,0	<i>Cấm thi</i>		
5	2124350090	Nguyễn Hữu	Nghĩa	25/09/2005	CCQ2435C	1817 <i>Hữu</i>	7,9	3,2	5,1	
6	2122110116	Đỗ Thúy	Nghiêm	09/10/2004	CCQ2211C		0,0	<i>Cấm thi</i>		
7	2124350094	Đàm Thị Minh	Ngọc	27/12/2006	CCQ2435C	1818 <i>Ngọc</i>	8,5	4,4	6,0	
8	2124350095	Lê Kim	Ngọc	01/01/2006	CCQ2435C	1815 <i>Ngọc</i>	8,6	4,4	6,1	
9	2124350096	Nguyễn Sơn	Nguyên	17/05/2006	CCQ2435C	1816 <i>Sơn</i>	7,5	3,4	5,0	
10	2124220025	Huỳnh Quang	Nhật	22/04/2004	CCQ2422A	1817 <i>Nhật</i>	9,0	5,6	7,0	
11	2124350113	Trang Minh	Nhật	01/02/2006	CCQ2435C	1818 <i>Nhật</i>	7,4	5,0	6,0	
12	2123110314	Hồ Thị Bích	Nhung	26/03/2005	CCQ2311I	1815 <i>Nhung</i>	6,6	5,0	5,6	
13	2124350118	Trương Lưu Hữu	Phiên	30/06/2005	CCQ2435C	1816 <i>Hữu</i>	8,8	5,4	6,8	
14	2124220018	Lê Thanh	Phúc	22/08/2006	CCQ2422A	1817 <i>Phúc</i>	9,2	7,0	7,9	
15	2123110247	Nguyễn Minh	Phúc	14/10/2005	CCQ2311G	1818 <i>Phúc</i>	5,1	2,8	3,7	
16	2124350111	Điệp Bảo Anh	Quân	19/08/2006	CCQ2435C		0,0	<i>Cấm thi</i>		
17	2124350121	Nguyễn Đăng	Quang	23/10/2004	CCQ2435C	1816 <i>Quang</i>	6,4	3,4	4,6	
18	2124220003	Phạm Thành	Sang	07/05/2006	CCQ2422A	1817 <i>Sang</i>	9,2	6,4	7,5	
19	2124220024	Nguyễn Ngọc	Thạch	10/07/2006	CCQ2422A	1818 <i>Thạch</i>	9,4	9,0	9,2	
20	2124220010	Đinh Quốc	Thái	11/11/2006	CCQ2422A	1815 <i>Quốc</i>	8,0	3,8	5,5	
21	2124350109	Phan Lê Công	Thanh	19/05/2006	CCQ2435C		0,0	<i>Cấm thi</i>		
22	2124350098	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/05/2006	CCQ2435C	1817 <i>Thảo</i>	7,3	4,4	5,6	
23	2122110325	Nguyễn Bá	Thịnh	17/09/2004	CCQ2211I	1818 <i>Thịnh</i>	8,6	3,4	5,5	
24	2124350085	Bùi Trường	Thọ	16/10/2005	CCQ2435C	1815 <i>Thọ</i>	9,4	5,8	7,2	
25	2124350093	Trần Lý Nhật	Tiến	16/07/2006	CCQ2435C	1816 <i>Trần</i>	7,1	4,6	5,6	
26	2124350112	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trâm	01/01/2006	CCQ2435C	1817 <i>Trâm</i>	8,6	3,6	5,6	
27	2124350087	Nguyễn Võ Ngọc	Trình	16/09/2005	CCQ2435C	1818 <i>Trình</i>	7,8	3,2	5,0	
28	2124350089	Bùi Văn	Trọng	22/07/2006	CCQ2435C	1815 <i>Trọng</i>	7,6	4,2	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành
(22460802)

Ngày thi: 29/01/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A505

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi

G.Viên chấm thi 2

Trần Thị Kim Thanh
Nguyễn Thị Thanh Hà

Phạm Văn Minh

Nguyễn Minh Tuấn

T. Tuấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2124350107	Ngô Quang Thiên	Trụ	12/10/2005	CCQ2435C		2,8			
30	2124220023	Nguyễn Lam	Tú	15/12/2006	CCQ2422A		9,6	5,0	6,8	có thi
31	2124220022	Lữ Đoàn	Tuấn	07/11/2005	CCQ2422A		7,9			
32	2122110348	Mai Nhật	Vạn	18/07/2003	CCQ2211I	1818	5,5	3,6	4,4	
33	2123110288	Nguyễn Anh	Việt	17/10/2005	CCQ2311I	1815	7,8	4,2	5,6	
34	2122110368	Dương Sĩ	Vinh	01/06/2004	CCQ2211J	1816	5,7	3,0	4,1	
35	2124220037	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	22/10/2006	CCQ2422A	1817	8,7	3,0	5,3	
36	2124350110	Trương Hoàng Phương	Vy	06/05/2006	CCQ2435C	1818	8,2	4,2	5,8	